

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thắm

2. Ông Nghiêm Văn Luyến

Thư ký phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 29/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/2021/QĐXXST-HS ngày 12/01/2021 đối với:

Bị cáo: **Mai Trần Q** – sinh năm 1995; Tại xã N – N – Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: thôn Y, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Giới tính: Nam. Trình độ học vấn: 6/12 . Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Mai Văn Th - Sinh năm 1964 và bà : Trương Thị V - Sinh năm 1966. Nơi ĐKKHKT: thôn Y, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 3. Chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 27/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, (có mặt).

*Bị hại: anh Phạm Văn T – sinh năm 1995,

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,(vắng mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ ông Mai Văn Th – sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn Y, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,(có mặt).

2/ anh Nguyễn Văn M – sinh năm 1975.

Địa chỉ: tiểu khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

*Người làm chứng: Mai Gia C, Trần Văn V, Mai Văn Q,(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đêm ngày 20/11/2020, bị cáo ngủ tại gia đình ông, bà nội của mình tại thôn T, xã N, huyện N. Đến khoảng 6 giờ ngày 21/11/2020, sau khi ngủ dậy, bị cáo đi bộ sang nhà anh Trần Văn V chơi. Đến nhà bị cáo đi vào trong phòng khách, thấy ông Trần Văn L (bố của V) đang nằm ngủ ở phòng khách. Nhìn xung quanh, bị cáo thấy trên ghế bên cạnh có một chìa khóa xe, Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô Exciter đang dựng bên hông nhà anh V. Bị cáo lấy chìa khóa xe, đi ra ngoài dùng chìa khóa mở khóa xe mô tô, dắt xe mô tô ra ngoài cổng nhà anh V, nổ máy, điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi lên thị trấn H, huyện H để cầm cố chiếc xe này lấy tiền mua ma túy sử dụng.

Tuy nhiên, khi đi đến Cầu L, thị trấn H, Q gặp L người H, là người nghiện ma túy và được L cho sử dụng chung ma túy L đang có, nên bị cáo không cầm cố xe nữa. Khoảng 14 giờ cùng ngày, sợ anh V báo Công an việc bị trộm xe mô tô nên bị cáo đã gọi điện cho Mai Gia C (sinh năm 1995, ở thôn Y, N – là bạn của V và Q) nói cho anh C biết việc bị cáo đã lấy trộm xe ở nhà V và nhờ anh C xin V đừng báo Công an, để đến tối sẽ đem xe về trả.

Nhưng đến khoảng 22 giờ ngày 21/11/2020, do hết tiền nên bị cáo rủ L về N để cầm cố chiếc xe Exciter mình trộm cắp lúc sáng để lấy tiền mua ma túy. Bị cáo nói với L đây là xe mình đi mượn. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô chở theo L đi đến nhà anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1975, ở tiểu khu N 1, thị trấn N), trao đổi với anh M là mình có chiếc xe mô tô, đang cần tiền nên muốn “cầm xe” lại để lấy tiền. Sau khi kiểm tra anh M đồng ý cho bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô với số tiền :3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) và yêu cầu bị cáo sau 10 – 15 ngày phải đưa cho anh M 4.000.000 đồng để lấy lại xe. Nhận số tiền 3.900.000 đồng do anh M đưa, bị cáo giao chiếc xe mô tô cho anh M rồi cùng L đi bộ ra ngoài, đón xe đi lên Cầu L, thị trấn H. Số tiền cầm xe bị cáo trả tiền xe hết 70.000 đồng, mua 01 gói ma túy hết 400.000 đồng sử dụng, còn lại, bị cáo chi vào việc chơi điện tử, trả tiền xe khách đi Hưng Yên và chi tiêu hết cho sinh hoạt cá nhân. Sáng ngày 21/11/2020, anh T ngủ dậy, kiểm tra thấy chiếc xe mô tô của mình bị mất, anh T báo Công an xã N và Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình Cơ quan CSĐT kiểm tra, xác minh tin báo, tổ giác về tội phạm, ông Mai Văn Th (bố Q) thông qua các nguồn tin từ bạn bè biết con mình trộm cắp xe của T, ông Th đã nhờ Mai Văn Q (sinh năm 1993, ở thôn Y, xã N, là bạn thân của bị cáo) gọi điện hỏi bị cáo đang cầm cố xe ở đâu và bị cáo cho biết đang “cầm” ở

nhà anh M. Sau đó, ông Th, anh Q và anh T đến gặp anh M. Ông Th trả 4 triệu đồng để chuộc lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu vàng đen BKS: 36B1-818.78 mà bị cáo đã thế chấp để vay tiền trước đó, trả cho anh T. Anh Phạm Văn T đã giao nộp chiếc xe mô tô nêu trên cho Cơ quan điều tra để phục vụ yêu cầu xác minh, giải quyết vụ án.

Đến chiều ngày 27/11/2020, bị cáo đến Công an huyện N xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, tại thôn T, xã N, sáng ngày 21/11/2020 tại sân nhà anh Trần Văn V.

Theo kết luận ngày 25/11/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện N, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu vàng đen, số khung BY028764, số máy 55P1028766, gắn BKS: 36B1-818.78, không có gương chiếu hậu, đã qua sử dụng có giá trị là 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 30/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu vàng đen BKS: 36B1-818.78 cho anh Phạm Văn T. Sau khi nhận lại tài sản, anh T không có yêu cầu gì thêm. Đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Mai Trần Q.

Đối với anh Nguyễn Văn M là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu vàng đen BKS: 36B1-818.78 do bị cáo cầm cố, anh M không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, do đó anh M không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên hành vi cầm cố tài sản nhưng không có giấy phép kinh doanh là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Cơ quan CSĐT chuyển cơ quan có thẩm quyền để xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với người thanh niên tên L, được bị cáo rủ đi cầm cố xe mô tô vào đêm ngày 21/11/2020 tại gia đình anh M nhưng L không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên miễn xét.

Đối với người nam giới bán ma túy cho bị cáo tại khu vực Cầu L, thị trấn H, tỉnh Thanh Hóa tối 21/11/2020, Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không có kết quả. Mặt khác, số ma túy mua được Q đã sử dụng hết nên không có cơ sở để kết luận.

Trong quá trình điều tra, ông Th đã trả cho anh M 4.000.000 đồng để nhận lại xe mô tô trả cho anh T, anh M không có yêu cầu gì thêm; ông Th không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn nên miễn xét.

Cáo trạng số:04/CT-VKSNS-KT, ngày 29/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Mai Trần Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện VKSND huyện N vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Mai Trần Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS; tuyên bố bị cáo Mai Trần Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Xử phạt: Mai Trần Q từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

*Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì- nên miễn xét.

Bị cáo Mai Trần Q không có ý kiến tranh luận với VKS. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử(HĐXX)nhận định như sau:

[1] Với thái độ coi thường pháp luật, lợi dụng chủ quan sơ hở của chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng tài sản. Khoảng 06 giờ sáng ngày 21/11/2020 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu vàng đen, BKS: 36B1-818.78 của anh Phạm Văn T để tại gai đình anh Trần Văn V ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Trị giá tài sản là 11.400.000đ(Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) đem cầm cố lấy 3.900.000đ(Ba triệu chín trăm nghìn đồng) chi tiêu cá nhân. Ông Mai Văn Th(là bố đẻ) của bị cáo đã dùng tiền của mình là 4.000.000đ(Bốn triệu đồng) để chuộc lại chiếc xe nói trên, tài sản đã được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản, anh Phạm Văn T không có yêu cầu gì thêm. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Đây là vụ án do một mình bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, do không có tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân, nên bị cáo bất chấp kỷ cương pháp luật của nhà nước để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây nguy hiểm và mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, nhất là tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo qui định của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự(TNHS):

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm: bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đó là “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và người phạm tội đầu thú; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt: Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần thiết lên cho bị cáo mức hình phạt nghiêm phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Song HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ TNHS để lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo tốt; đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu gì thêm; ông Mai Văn Th(bố đẻ) của bị cáo đã trả cho anh M 4.000.000đ(bốn triệu đồng) để nhận lại chiếc xe mô tô trả cho anh T, anh M không yêu cầu gì thêm; ông Th không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn - nên miễn xét.

[6] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy: Bản cáo trạng, quyết định truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên đối với bị cáo là phù hợp theo qui định của pháp luật. Bị cáo trước Cơ quan CSĐT cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, lời nói sau cùng xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lời trình bày trung thực, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[7] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và căn cứ theo quy định tại các Điều 37 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên; Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố: Bị cáo Mai Trần Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Xử phạt: Bị cáo Mai Trần Q 08(tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam(27/11/2020).

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Mai Trần Q phải nộp 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST.

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Tuyền